CÔNG TY TNHH Y KHOA VẠN PHƯỚC CỬU LONG
ĐC: Số 19 Nguyễn Văn Linh, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
Tel: 02923.891.789 - 0939119194 - Email: oanhpkvp@gmail.com

BẢNG BÁO GIÁ
KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ 2019

Y Khoa Vạn Phước Cửu Long xin chân thành cảm ơn Quý Cơ quan đã quan tâm đến dịch vụ khám sức khoẻ cho CB CNV. Chúng tôi xin cung cấp báo giá để Quý Cơ quan tham khảo như sau (giá đã bao gồm thuế VAT)

STT	NỘI DUNG	ĐƠN GIÁ	DIỄN GIẢI CẬN LÂM SÀNG
I	**Danh mục khám**		
1	Khám tổng quát - Dấu hiệu sinh tồn: Mạch, huyết áp, nhiệt độ, đo chiều cao, cân nặng, BMI - Khám Nội - Khám Ngoại, Da liễu - Khám Răng Hàm Mặt - Khám Tai Mũi Họng - Khám Mắt (Đo thị lực)	80,000	
2	Khám phụ khoa	50,000	
3	Tổng kết khám sức khỏe công ty - Lập sổ kết quả KSK định kỳ cho toàn cơ quan - Lập sổ kết toán KSK định kỳ cho toàn cơ quan - Kết luận, phân loại sức khỏe cho từng cá nhân - Tư vấn tại chỗ kết quả khám, xét nghiệm cho từng cá nhân - ***Kê toa thuốc, hướng điều trị cho từng cá nhân (nếu có bệnh)***	Miễn phí	
II	**Chẩn đoán hình ảnh**		
1	Chụp X - Quang KTS Phổi	70,000	Tầm soát lao phổi, bệnh phổi...
2	Đo mật độ xương bằng phương pháp DXA chuẩn thế	180,000	Tầm soát bệnh loãng xương
3	Điện tim thường	50,000	Tầm soát rối loạn nhịp tim, bệnh tim, thiếu máu cục bộ...
4	Nội soi dạ dày tá tràng - Clotest	420,000	Chẩn đoán nhiễm H.Pylori; tầm soát viêm, loét, ung thư, polype thực quản - dạ dày - tá tràng; trào ngược dạ dày - thực quản

5	Nội soi Tai - Mũi - Họng	240,000	Phát hiện sớm ung thư vòm, thanh quản, dây thanh; phát hiện những cấu trúc bất thường ở TMH
6	Test hơi thở tìm vi khuẩn HP bằng C14	900,000	Không cần nội soi, không đau
7	FibroScan	300,000	Chẩn đoán xơ gan sớm, không đau
8	Siêu âm doppler động mạch , tĩnh mạch chi dưới	250,000	Tắc nghẽn, xơ vữa, huyết khối, suy van tĩnh mạch...
9	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi trên	250,000	Tắc nghẽn, xơ vữa, huyết khối, suy van tĩnh mạch...
10	Siêu âm động mạch, tĩnh mạch cảnh	250,000	Tắc nghẽn, xơ vữa, dị dạng, huyết khối...
11	Siêu âm màu tuyến giáp	130,000	Viêm giáp, bướu giáp...
12	Siêu âm Doppler màu tuyến vú	100,000	U, nang, sợi bọc.
13	Siêu âm doppler tim, van tim	250,000	Hẹp hở van, thiếu máu cục bộ, tràn dịch, tim to.
14	Siêu âm phụ khoa	120,000	U nang, u xơ, polyp buồng tử cung, dị tật tử cung phần phụ, bất thường dụng cụ tử cung,.
15	Siêu âm màu ổ bụng	100,000	Sỏi niệu, sỏi gan mật, gan nhiễm mỡ, bàng quang, tiền liệt tuyến (nam), u xơ - u nang buồng trứng (nữ).
16	Pap's mear	140,000	Ung thư cổ tử cung, nữ có gia đình
17	Soi tươi	50,000	Nấm, tạp khuẩn, trùng roi
III	**Xét nghiệm**		
1	Định lượng Glucose	25,000	Đái tháo đường, hạ đường huyết
2	Định lượng HbA1c	110,000	Chẩn đoán đái tháo đường, bệnh nhân đái tháo đường đang điều trị đánh giá mỗi 3 tháng
3	Định lượng Urê	25,000	Suy thận, viêm cầu thận cấp, mạn,., chọn chung với Creatinin
4	Định lượng Creatinin	25,000	Suy thận, viêm cầu thận cấp, mạn,., chọn chung với Urê
5	Đo hoạt độ AST (SGOT)	25,000	Đánh giá chức năng gan, chọn chung với SGPT, GGT
6	Đo hoạt độ ALT (SGPT)	25,000	Đánh giá chức năng gan, chọn chung với SGOT, GGT
7	Đo hoạt độ GGT	25,000	Đánh giá chức năng gan, người uống rượu, chọn chung với SGOT, SGPT
8	Bilirubin(TP,TT,GT)	75,000	Tắc nghẽn ống dẫn mật,bệnh gan do uống bia rượu, gan nhiễm mỡ,...
9	Cholesterol, Triglycerid	60,000	
10	Lipid máu (Cho ,Tri ,HDL , LDL)	120,000	Mỡ trong máu nguy cơ xơ vữa động mạch, tăng huyết áp, nhồi máu cơ
11	Điện giải đồ (Na, K ,Ca, pH)	80,000	Hạ canxi, tê mỏi tay chân,...
12	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (22 thông số)	60,000	Thiếu máu, suy tủy, ung thư máu, nhiễm trùng, virus,.
13	Định lượng Ferretin	110,000	Đánh giá lượng sắt trong huyết thanh
14	Định nhóm máu hệ ABO	40,000	
15	Định lượng Acid uric	25,000	Bệnh Gout, người uống rượu,.
16	FT3, FT4, TSH	300,000	Bướu giáp, cường giáp, suy giáp, viêm giáp,.
17	Định lượng AFP	100,000	Ung thư gan

18	Định lượng PSA toàn phần	140,000	Ung thư tiền liệt tuyến ở nam giới
19	Định lượng CEA	150,000	Ung thư đường ruột
20	Định lượng CA 12-5	150,000	Ung thư buồng trứng nữ
21	Định lượng CA 15- 3	150,000	Ung thư vú nữ
22	Định lượng CA 19- 9	150,000	Ung thư tụy
23	Định lượng CA 72.4	160,000	Ung thư dạ dày
24	Định lượng Cyfra 21.1	180,000	Ung thư phổi
25	HBsAg (Elisa) miễn dịch tự động	80,000	Chẩn đoán nhiễm viêm gan B hoặc chuẩn bị tiêm ngừa B
26	HBsAb hay anti - HBs (Elisa) miễn dịch tự động	100,000	Đánh giá hiệu quả tiêm ngừa hoặc chuẩn bị tiêm ngừa B
27	HCV	120,000	Chẩn đoán nhiễm viêm gan C
28	HIV	100,000	Chẩn đoán nhiễm HIV
29	Tổng phân tích nước tiểu	35,000	Nhiễm trùng tiểu, biến chứng thận,.
30	Toxocara	180,000	Giun đũa chó
31	Trongyloides	180,000	Giun Lươn
32	Echinococus	180,000	Sán dãi chó
33	Taenia	180,000	Sán dãi heo
34	Fasciola	180,000	Sán lá lớn ở gan
35	DA04	240,000	4 chất gây nghiện
36	Heroin/morphin(nước tiểu)	60,000	

Cần Thơ, ngày 01 tháng 08 năm 2019

Giám Đốc

Bảng báo giá có hiệu lực từ 01/04/2019 đến 31/12/2019

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ:

Trưởng phòng CSKH: Ms Nguyễn Thị Oanh Em

Tel: 0939119194 - 02923.891.789 - Email: oanhpkvp@gmail.com

ĐC: Số 19 Nguyễn Văn Linh, P. Hưng Lợi, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Trân trọng kính chào

Nguyễn Minh Tấn